

Bản án số: 51/2019/HS-PT
Ngày: 06 - 6 – 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn; Ông Võ Bá Lưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Việt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Công Lý – Kiểm sát viên .

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2019/TLPT- HS ngày 09 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T, Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H.

Do có kháng cáo của các bị cáo: Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T, Bùi Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu H và do có Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình đối với các bị cáo: Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ; Bùi Thanh B; Nguyễn Thị Thanh T; Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2019/HS-ST ngày 03 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

1. Lê Viết C, sinh ngày 02 tháng 7 năm 1980; Cư trú tại: Cụm 2, Tổ dân phố 8, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Viết H và bà Võ Thị C; có vợ: Nguyễn Thị L và 03 người con, sinh các năm 2010, 2013, 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 20 tháng 4 năm 2012 bị Công an tỉnh Quảng Bình ra Quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền 15.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02 tháng 8 năm 2018 sau đó bị tạm giam đến ngày 24 tháng 10 năm 2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

2. Trần Thị L, sinh ngày 20 tháng 6 năm 1961. Cư trú tại: Tổ dân phố 1 Mỹ Cương, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần D và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có chồng: Lê Công H và 02 người con sinh các năm 1985 và 1989; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 28 tháng 5 năm 2012 bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; ngày 22 tháng 8 năm 2013 bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; ngày 30 tháng 3 năm 2014 bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

3. Nguyễn Thị X, sinh ngày 05 tháng 3 năm 1969. Cư trú tại: Cụm 1, Tổ dân phố 8, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Thợ may; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn S và bà Trần Thị L; có chồng: Phạm Văn T và 02 con sinh các năm 1991 và 2004; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

4. Trần Thị H, sinh ngày 25 tháng 5 năm 1962. Cư trú tại: Cụm 4, Tổ dân phố 3 Mỹ Cương, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam con ông: Trần Văn L và bà Hồ Thị T; có chồng Cao Hùng C và 02 sinh các năm 1989 và 1991; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

5. Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1960. Cư trú tại: Cụm 6, Tổ dân phố 5, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Lê Thị G (đều đã chết); có chồng Cao Thanh B và 03 người con sinh các năm 1985, 1991 và 1994; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14 tháng 01 năm 2004 bị Phòng Cảnh sát hình sự Công an Quảng Bình xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; ngày 14 tháng 7 năm 2014 bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

6. Bùi Thanh B, sinh ngày 11 tháng 11 năm 1977. Cư trú tại: Cụm 3, Tổ dân phố 9, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Trung T và bà Trần Thị H; có vợ: Trần Thị O và 03 người con sinh các năm 2004, 2012 và 2016; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19 tháng 6 năm 2017 bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm

hành chính bằng hình thức phạt tiền 3.500.000 đồng về hành vi “Che giấu việc đánh bạc trái phép” bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

7. Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày: 03 tháng 11 năm 1965; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu; tạm trú tại: Cụm 7, Tổ dân phố 2, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Tvà bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có chồng Nguyễn Quang Thanh và 02 con sinh các năm 1991 và 2001; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

8. Lê Thị Thanh H, sinh ngày 06 tháng 12 năm 1986. Cư trú tại: 143 Phan Đình P, Tổ dân phố 5, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: cán bộ Bệnh viện đa khoa thành phố Đồng Hới; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn H và bà: Nguyễn Thị Kim N; có chồng: Lưu Minh T và có 02 con sinh năm 2011 và 2019; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì mới sinh con nhỏ, vắng mặt tại phiên tòa.

9. Hoàng Thị H, sinh ngày 30 tháng 11 năm 1965, Cư trú tại: Cụm 6, Tổ dân phố 2, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: Lớp 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Trọng H và bà Phạm Thị D (đều đã chết); chồng, con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

10. Hà Thị Thu H, sinh ngày 09 tháng 10 năm 1972. Cư trú tại: Cụm 3, Tổ dân phố 3, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Lớp 3/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Ngọc M và bà Hà Thị T; có chồng Đào Thanh H (đã ly hôn) và 02 con sinh các năm 1992, 2009; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

11. Bùi Thị Kim T, sinh ngày 02 tháng 02 năm 1986. Cư trú tại: Cụm 6, Tổ dân phố 4, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T và bà Đặng Thị T; có chồng Phạm Lâm L và 02 con sinh các năm 2010, 2012; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06 tháng 02 năm 2015 bị Công an thành phố Đồng Hới xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

12. Hoàng Thị V, sinh ngày 16 tháng 10 năm 1974. Cư trú tại: Cụm 2, Tổ dân phố 5, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch:

Việt Nam; con ông: Hoàng Đình D (đã chết) và bà: Đỗ Thị M; có chồng: Nguyễn Văn T và 02 con sinh các năm 1993 và 2003; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

13. Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 20 tháng 12 năm 1960. Cư trú tại: Cụm 1, Tổ dân phố 6, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Lớp 9/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Đặng Thị L (đều đã chết); có chồng Trần Công H và 01 người con sinh năm 1988; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

14. Hoàng Thị Hồng H, sinh ngày 11 tháng 10 năm 1968. Cư trú tại: Tổ dân phố P, thị trấn N huyện B, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Xuân D và bà Trương Thị V (đều đã chết); có chồng Hoàng Minh S và 03 người con sinh các năm 1988, 1993 và 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

Vụ án có bị cáo Phan Thị Thùy N; có các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Hoàng Thị L, bà Lương Mai H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Thanh H, ông Cao Xuân V, bà Nguyễn Thị Kim N, bà Hoàng Thị L nhưng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng nghị nên Toà án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

Bị cáo Lê Thị Thanh H, bị kháng nghị, bị cáo có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị cáo theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 290 Bộ luật Tố tụng hình sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 12 phút ngày 02 tháng 8 năm 2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình phát hiện Lê Viết C, sử dụng điện thoại thông minh có kết nối Internet qua mạng xã hội Zalo và máy FAX để đánh bạc bằng hình thức ghi lô đề cá cược với Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Lê Thị Thanh H, Phan Thị Thùy Nhung, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H, Hoàng Thị L và Lương Mai H dựa theo kết quả xổ số kiến thiết của các tỉnh miền Trung và miền Bắc để quy định cho số lô đề và cá cược với người chơi trong ngày 02 tháng 8 năm 2018, như sau:

Lê Viết C đánh bạc với Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Lê Thị Thanh H, Phan Thị Thùy Nhung, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị H, Hoàng Thị L và Lương Mai H, là các Thư ký ghi đề, những người này ghi số lô đề, bán số lô đề cho người mua, đến cuối ngày tổng hợp thành bảng đề để đánh bạc

với Lê Viết C, thắng thua dựa theo kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh miền Bắc và miền Trung, lấy 02 số hoặc 03 số cuối của tất cả các giải để cá cược đánh bạc. Lê Viết C và những Thư ký ghi đề thỏa thuận, khi khách ghi lô đề thì số tiền ghi của khách được cộng thêm 30%, mỗi Thư ký ghi đài miền Trung cứ 1.000.000 đồng tiền thực đánh thì được hưởng 90.000 đồng, đối với đài miền Bắc cứ 1.000.000 đồng tiền thực đánh thì được hưởng 80.000 đồng. Sau khi tập hợp thành bảng đề và số tiền đánh, các Thư ký chuyển bảng đề cho C qua mạng xã hội ZALO, qua máy FAX và có một số Thư ký nộp trực tiếp cho C. Thời gian chuyển bảng đề đối với đài miền Trung trước 17 giờ trong ngày, đối với đài miền Bắc chuyển trước 18 giờ trong ngày. Theo thỏa thuận, các bị cáo đánh bạc bằng hình thức ghi lô đề trong ngày 02 tháng 8 năm 2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Đồng Hới phát hiện xác định Lê Viết C đánh bạc với các bị cáo trong vụ án cụ thể:

- Đánh với Trần Thị L tổng số tiền đánh bạc là 84.194.000 đồng, trong đó: Kết quả xổ số miền Trung: 68.209.000 đồng, số tiền đánh là 34.799.000 đồng, tiền trúng thưởng là 33.410.000 đồng, C thắng bạc là 1.389.000 đồng. Kết quả xổ số miền Bắc là 15.985.000 đồng;

- Đánh với Nguyễn Thị X theo kết quả xổ số miền Trung tổng số tiền : 84.573.000 đồng, trong đó tiền đánh bạc: 50.323.000 đồng, tiền trúng thưởng: 34.250.000 đồng. Trong bảng này C thắng bạc: 16.073.000 đồng;

- Đánh với Trần Thị H theo kết quả xổ số miền Trung tổng số tiền đánh bạc : 52.877.000 đồng, trong đó tiền đánh: 26.777.000 đồng, tiền trúng thưởng: 26.100.000 đồng. Trong bảng này C thắng bạc: 677.000 đồng;

- Đánh với Nguyễn Thị Đ theo kết quả xổ số Miền trung tổng số tiền : 49.266.000 đồng. Trong đó tiền đánh bạc: 28.135.000 đồng, tiền trúng thưởng: 21.131.000 đồng. Trong bảng này C thắng bạc: 7.004.000 đồng;

- Đánh với Lê Thị Thanh H theo kết quả xổ số miền Trung với tổng số tiền đánh bạc: 5.014.000 đồng. Trong bảng này C thắng bạc: 5.014.000 đồng;

- Đánh với Phan Thị Thùy Nhung theo kết quả xổ số miền Trung với tổng số tiền: 24.110.000 đồng, trong đó tiền đánh bạc: 21.483.000 đồng, tiền trúng thưởng: 2.627.000 đồng. Trong bảng này C thắng bạc: 18.856.000 đồng;

- Đánh với Nguyễn Thị Thanh T tổng số tiền ; 22.523.000 đồng. Trong đó: Theo kết quả xổ số miền Trung: 18.093.000 đồng, tiền đánh bạc: 7.730.000 đồng, tiền trúng thưởng: 10.363.000 đồng. Trong bảng này C thua bạc: 2.633.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Bắc: 4.430.000 đồng;

- Đánh với Hoàng Thị H tổng số tiền: 10.260.000 đồng, trong đó: Theo kết quả xổ số miền Trung: 5.717.000 đồng, tiền khách đánh: 2.567.000 đồng, tiền trúng thưởng: 3.150.000 đồng. Trong bảng này C thua bạc: 583.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Bắc: 4.543.000 đồng;

- Đánh với Hà Thị Thu H theo kết quả xổ số miền Trung tổng số tiền : 7.973.000 đồng. Trong đó, tiền đánh bạc: 5.713.000 đồng, tiền trúng thưởng: 2.260.000 đồng. Số tiền đánh bạc trong bảng này C thắng: 3.453.000 đồng;

- Đánh với Bùi Thị Kim T theo kết quả xổ số miền Trung tổng số tiền : 8.305.000 đồng. Trong đó tiền đánh bạc: 5.828.000 đồng, tiền trúng thưởng: 2.477.000 đồng. Bảng này C thắng: 3.351.000 đồng;

- Đánh với Hoàng Thị V tổng số tiền đánh bạc : 9.646.000 đồng, cụ thể: Theo kết quả xổ số miền Trung: 7.556.000 đồng. Trong bảng này C thắng bạc: 7.556.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Bắc: 2.090.000 đồng;

- Đánh với Nguyễn Thị Thu H theo kết quả xổ số miền Trung tổng số tiền : 8.194.600 đồng. Trong đó tiền đánh bạc: 6.444.600 đồng, tiền trúng thưởng: 1.750.000 đồng. Bảng này C thắng là 4.694.600 đồng;

- Đánh với Hoàng Thị Hồng H theo kết quả xổ số miền Trung tổng số tiền 6.144.000 đồng. Bảng này C thắng bạc: 6.144.000 đồng;

- Đánh với Hoàng Thị L tổng số tiền : 2.440.000 đồng. Trong đó: Theo kết quả xổ số miền Trung: 2.301.000 đồng, trong đó tiền đánh bạc: 1.351.000 đồng tiền trúng thưởng: 950.000 đồng. Bảng này C thắng bạc: 401.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Bắc: 139.000 đồng;

- Đánh với Lương Mai H theo kết quả xổ số miền Trung tổng số tiền : 1.260.000 đồng. Bảng này C thắng bạc: 1.260.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của Lê Viết C cùng đồng bọn là: 376.779.600 đồng.

Quá trình điều tra Lê Thị Thanh H khai nhận ngoài việc đánh bạc với Lê Viết C, Lê Thị Thanh H còn trực tiếp liên hệ với Bùi Thanh B thỏa thuận thống nhất với nhau đánh bạc bằng hình thức ghi lô đề rồi chuyển cho Bùi Thanh B để hưởng tiền hoa hồng cụ thể trong ngày 02 tháng 8 năm 2018 gồm:

- Bùi Thanh B đánh với Lê Thị Thanh H tổng số tiền : 9.049.000 đồng. Trong đó: Theo kết quả xổ số miền Trung: 3.559.000 đồng. Bảng này B thắng bạc: 3.559.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Bắc: 5.490.000 đồng;

- Bùi Thanh B đánh với Nguyễn Thị Kim N theo kết quả xổ số miền Bắc tổng số tiền: 970.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của Bùi Thanh B với Lê Thị Thanh H, Nguyễn Thị Kim Nhung: 10.019.000 đồng.

Lê Thị Thanh H đánh bạc bằng hình thức ghi lô đề với Nguyễn Thị Thanh H, Hoàng Thị L và Cao Xuân V ngày 02 tháng 8 năm 2018, gồm:

- Đánh với Nguyễn Thị Thanh H tổng số tiền: 7.071.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Trung: 3.271.000 đồng, trong đó tiền đánh bạc: 2.513.000 đồng, tiền trúng thưởng: 758.000 đồng. Bảng này H thắng bạc: 1.755.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Bắc: 3.800.000 đồng.

- Đánh với Hoàng Thị L tổng số tiền : 2.215.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Trung: 1.783.000 đồng, trong đó tiền đánh bạc: 1.068.000 đồng, tiền trúng thưởng: 715.000 đồng. Bảng này H thắng bạc: 353.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Bắc: 432.000 đồng.

- Đánh với Cao Xuân V tổng số tiền : 2.051.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Trung: 1.726.000 đồng, trong đó tiền đánh bạc: 1.544.000 đồng, tiền trúng thưởng: 182.000 đồng. Bảng này H thắng bạc: 1.544.000 đồng. Theo kết quả xổ số miền Bắc: 325.000 đồng.

Tổng số tiền đánh bạc của Lê Thị Thanh H với Nguyễn Thị Thanh H, Hoàng Thị L, Cao Xuân V: 11.337.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới đã thu giữ các vật chứng:

Thu giữ từ Lê Viết C: 21 tờ bằng đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của C; 01 điện thoại di động hiệu Vivo V3 màu trắng; 01 máy FAX hiệu PANASONIC màu đen, model: KX - FT983CX; 01 máy tính hiệu CASIO JS-40TS màu đen bạc; 01 máy tính hiệu CASIO JS-40V màu đen bạc; 01 máy in hiệu CANON màu trắng, model: F166400; 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Corolla Altis màu đen, mang Biển số: 73A-02265 và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam : 70.000.000 đồng.

Thu từ Bùi Thanh B: 03 tờ bằng đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Bùi Thanh B; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy Grand Prime màu xám và một máy in hiệu Hp Laser P1102 màu trắng xám.

Thu từ Lê Thị Thanh H: 03 tờ bằng đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Lê Thị Thanh H; 01 xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila Elizabeth màu đỏ, mang Biển số: 73P1-7657; 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 7 Plus màu đen; 01 máy tính hiệu CASIO FX-570MS màu đen và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 4.615.000 đồng.

Thu từ Trần Thị L: 02 bằng đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Trần Thị L; 01 bằng tổng hợp đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Trần Thị L; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Prime màu tím và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 10.360.000 đồng.

Thu từ Hoàng Thị V: 01 bằng đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Hoàng Thị V; 01 điện thoại di động hiệu SONY màu đen và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 9.646.000 đồng.

Thu từ Trần Thị H: tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: 3.000.000 đồng.

Thu từ Nguyễn Thị X: 01 bằng đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Nguyễn Thị X và 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu hồng, số IMEI 1: 8663 4603 9275 573; số IMEI 2: 8663 4603 9275 565.

Thu từ Hoàng Thị H: 01 tờ bằng đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Hoàng Thị H; 01 máy FAX hiệu PANASONIC KX-FT983 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy J2 Prime màu vàng đồng và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 7.110.000 đồng.

Thu từ Hà Thị Thu H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu đen; 01 tờ phôi đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Hà Thị Thu H và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.713.000 đồng.

Thu từ Hoàng Thị Hồng H: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 6.144.000 đồng; Bùi Thị Kim T: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 5.828.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 6.444.000 đồng; Cao Xuân Vĩnh: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.869.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh H: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 6.313.000 đồng; Hoàng Thị L: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.500.000 đồng và Nguyễn Thị Kim N: Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 970.000 đồng.

Thu từ Hoàng Thị L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 màu xám bạc; 01 bằng đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Hoàng Thị L và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 1.490.000 đồng.

Thu từ Lương Mai H: 01 bảng đề ngày 02 tháng 8 năm 2018 có chữ ký xác nhận của Lương Mai H; 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A7 màu vàng và tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.900.000 đồng.

Quá trình điều tra các bị cáo Lê Viết C tự nguyện giao nộp 10.000.000 đồng, Trần Thị L tự nguyện giao nộp 10.000.000 đồng, Trần Thị H tự nguyện giao nộp 3.000.000 đồng, Hoàng Thị H tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền đánh bạc 7.110.000 đồng, Hoàng Thị V tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền đánh bạc 9.646.000 đồng, Bùi Thị Kim T tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền đánh bạc 7.110.000 đồng, Hà Thị Thu H tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền đánh bạc 5.713.000 đồng, Nguyễn Thị Thu H tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền đánh bạc 6.444.000 đồng, Hoàng Thị Hồng H đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tiền đánh bạc 6.144.000 đồng, Lê Thị Thanh H tự nguyện giao nộp 5.000.000 đồng.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đồng Hới, ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Nguyễn Thị L (là vợ của C) một xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Corolla Altis màu đen, mang Biển số 73A-02265; trả lại cho Lê Thị Thanh H một xe mô tô nhãn hiệu SYM Attila Elizabeth màu đỏ, Biển số: 73P1-7657 và trả lại cho Hoàng Thị L một điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 màu xám bạc.

Đối với Hoàng Thị H, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thanh T và Lê Thị Thanh H đã tham gia đánh bạc 02 lần, trong đó có 01 lần đánh tang số của mỗi người chưa đến 5.000.000 đồng nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 05 tháng 10 năm 2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Đồng Hới đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với các đối tượng trên.

Cáo trạng số 70/CT-VKSĐH-TA ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới truy tố các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015; truy tố các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Lê Thị Thanh H, Phan Thị Thùy N, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự 2015.

Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới quyết định tuyên bố các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Lê Thị Thanh H, Phan Thị Thùy Nhung, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 2 Điều 321; các Điều 17, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Trần Thị H; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Nguyễn Thị X; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L.

Xử phạt bị cáo Lê Viết C 07 (bảy) tháng tù, được khấu trừ thời gian bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02 tháng 8 năm 2018 đến ngày 24 tháng 10 năm 2018, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Lê Thị Thanh H, Phan Thị Thùy N, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H; áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Thị H, Hoàng Thị V, Bùi Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu H, Hà Thị Thu H; áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Thị Thanh H; áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thu H; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Thị Thanh H, Phan Thị Thùy N, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H.

Xử phạt Nguyễn Thị Đ 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Xử phạt Bùi Thanh B 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Phạt tiền là hình phạt chính để sung quỹ Nhà nước đối với các bị cáo:

Lê Thị Thanh H: 40.000.000 đồng; Phan Thị Thùy Nhung: 40.000.000 đồng; Hoàng Thị H: 25.000.000 đồng; Hoàng Thị V: 24.000.000 đồng; Bùi Thị Kim T: 22.000.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H: 22.000.000 đồng; Hà Thị Thu H: 20.000.000 đồng; Hoàng Thị Hồng H: 20.000.000 đồng.

- Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, phạt tiền bổ sung các bị cáo:

Lê Viết C: 15.000.000 đồng; Trần Thị L: 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị X: 10.000.000 đồng; Trần Thị H: 10.000.000 đồng; Nguyễn Thị Đ: 10.000.000 đồng; Bùi Thanh B: 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc các bị cáo nộp lại tiền thu lợi bất chính sung quỹ Nhà nước gồm:

Lê Viết C: 57.518.000 đồng; Trần Thị L: 40.424.000 đồng; Nguyễn Thị X: 50.323.000 đồng; Trần Thị H: 23.777.000 đồng; Nguyễn Thị Đ: 28.135.000 đồng; Lê Thị Thanh H: 6.103.000 đồng; Phan Thị Thùy N: 21.483.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh T: 12.160.000 đồng.

Án sơ thẩm còn tuyên tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước các vật chứng vụ án được xác định các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã sử dụng làm phương tiện đánh bạc; tuyên tạm giữ số tiền 80.000.000 đồng thu của Lê Viết C để bảo đảm thi hành án đối với Lê Viết C; tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền do Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ từ các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là tiền do đánh bạc mà có; tuyên buộc các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Lê Thị Thanh H, Phan Thị Thùy N, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo Bản án thẩm đối với các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Trong hạn luật định có 09 bị cáo có đơn kháng cáo gồm:

Ngày 8 tháng 3 năm 2019, bị cáo Bùi Thanh B có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 10 tháng 3 năm 2019, bị cáo Trần Thị H có đơn kháng cáo trình bày chồng bị tai nạn chưa hồi phục, gia đình chồng thuộc đối tượng có công, là gia đình liệt sỹ, xin được hưởng án treo.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, bị cáo Lê Viết C có đơn kháng cáo trình bày gia đình có hoàn cảnh khó khăn, xin được hưởng án treo.

Ngày 05 tháng 3 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị Thanh T có đơn kháng cáo xin cải tạo không giam giữ, kèm bản sao Huân C chiến công hạng Nhì, Huân C Chiến sỹ vẻ vang hạng Nhì, Giấy chứng nhận Thương binh hạng 4/4 của chồng bị cáo là ông Nguyễn Quang T;

Ngày 8 tháng 3 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị X có đơn kháng cáo xin được cải tạo không giam giữ, kèm theo các bản sao Huy C kháng chiến hạng Nhì của ông Nguyễn Văn S và bà Trần Thị L là bố và mẹ của bị cáo;

Ngày 8 tháng 3 năm 2019, bị cáo Nguyễn Thị Đ có đơn kháng cáo xin được cải tạo không giam giữ, kèm theo bản sao Bằng khen của Bộ Quốc phòng tặng thưởng cho Nguyễn Thị Đ ngày 16 tháng 8 năm 1983 do đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian tại ngũ; Huân chương Chiến công hạng Hai, Huân chương Chiến sỹ vẻ vang hạng Hai của chồng bị cáo là ông Cao Thanh B;

Ngày 11 tháng 3 năm 2019, bị cáo Trần Thị L có đơn kháng cáo xin được cải tạo không giam giữ, kèm theo bản sao Quyết định xuất ngũ của Trần Thị L, Giấy chứng nhận Thương binh hạng 3/4, Giấy chứng nhận bị nhiễm chất độc hoá học suy giảm khả năng lao động 35% của ông Lê Công H là chồng bị cáo;

Ngày 12 tháng 3 năm 2019, các bị cáo Bùi Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu H có đơn kháng cáo trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, xin giảm tiền phạt.

- Ngày 26 tháng 3 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình có Quyết định kháng nghị số 526/QĐ-VKSQB với nội dung: Kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019 HS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới về phần hình phạt và xử lý vật chứng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa Bản án sơ thẩm:

Không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H;

Tăng hình phạt đối với các bị cáo: Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H;

Bổ sung Điều 54 Bộ luật Hình sự để áp dụng đối với các bị cáo: Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T.

Tuyên buộc bị cáo Lê Viết C nộp lại số tiền 137.518.000 đồng tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước. Được trừ 70.000.000 đồng đã thu giữ và 10.000.000 đồng bị cáo tự nguyện giao nộp. Số tiền còn lại 54.518.000 đồng bị cáo Lê Viết C phải nộp để sung quỹ Nhà nước.

Sửa chữa, bổ sung các sai sót, nhầm lẫn của Bản án sơ thẩm về số tiền thu lợi bất chính buộc bị cáo Phan Thị Thuỳ N phải nộp lại; xác định đúng số tiền là vật chứng vụ án được tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo số tiền được Cơ quan Điều tra thu giữ, chuyển sang tài khoản Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới; xem xét, xử lý số tiền đánh bạc của Bùi Thanh B; xác định điểm phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H để bổ sung Bản án sơ thẩm.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, các bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị có nộp tiền thu lợi bất chính vào tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo quyết định của Bản án sơ thẩm gồm:

Bị cáo Lê Viết C nộp 57.718.000 đồng gồm tiền thu lợi bất chính 57.518.000 đồng và 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào các ngày 06 tháng 5 năm 2019 và ngày 14 tháng 5 năm 2019;

Bị cáo Trần Thị L nộp 20.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính vào các ngày 06 tháng 5 năm 2019 và ngày 14 tháng 5 năm 2019;

Bị cáo Nguyễn Thị X nộp 25.523.000 đồng tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm vào các ngày 06 tháng 5 năm 2019 và ngày 14 tháng 5 năm 2019;

Bị cáo Trần Thị H nộp 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính ngày 06 tháng 5 năm 2019;

Bị cáo Nguyễn Thị Đ nộp 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính ngày 06 tháng 5 năm 2019;

Bị cáo Bùi Thanh B nộp 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung ngày 15 tháng 5 năm 2019;

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T nộp 12.360.000 đồng tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm ngày 06 tháng 5 năm 2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Lê Thị Thanh H, Nguyễn Thị Thanh T, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H khai và thừa nhận hành vi phạm tội “Đánh bạc” của các bị cáo đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm. Các bị cáo Lê Viết C, Bùi Thanh B, Trần Thị H giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo hoặc được chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù;

Các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị L, Nguyễn Thị X giữ nguyên kháng cáo xin được xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ;

Các bị cáo: Nguyễn Thị Thu H, Bùi Thị Kim T giữ nguyên kháng cáo xin giảm tiền phạt.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và chấp nhận kháng cáo của một số bị cáo có kháng cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới chưa được Bản án sơ thẩm xem xét để sửa một phần Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với các bị cáo cụ thể:

Không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Trần Thị H, Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị H, Hoàng Thị V, Bùi Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu H, Hà Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H;

Áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ được Bộ Quốc phòng tặng Bằng khen trong thời gian tại ngũ; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị X có bố và mẹ là người có công, bố bị cáo được Nhà nước tặng thưởng Huy chương Kháng chiến hạng Nhất, mẹ bị cáo được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì; áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Hoàng Thị H có bố và là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất, bản thân bị cáo được Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch tặng Giấy khen trong công tác trồng rừng.

Xem xét thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T theo số tiền nộp lại trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H; áp dụng thêm Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H.

Xử phạt bị cáo Lê Viết C từ 12 đến 15 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Thị L từ 07 đến 10 tháng tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X từ 6 đến 9 tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 6 đến 9 tháng tù. Cho các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Áp dụng Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thanh T, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T từ 07 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đảm, Thuý;

Áp dụng Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Bùi Thanh B, phạt tiền bị cáo Bùi Thanh B từ 35.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm tiền phạt của các bị cáo Bùi Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu H và giữ nguyên số tiền phạt là hình phạt chính đối với các bị cáo này theo Bản án sơ thẩm;

Không buộc Bùi Thanh B nộp lại số tiền đánh bạc 10.019.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước vì bị cáo chưa thu được số tiền này từ các bị cáo đánh bạc với bị cáo.

Sửa chữa Bản án sơ thẩm số tiền 70.000.000 đồng tạm giữ của Lê Viết C trong tổng số tiền đã thu giữ 143.902.000 đồng để bảo đảm thi hành án và số tiền tịch thu sung công quỹ Nhà nước đã thu từ các bị cáo trong giai đoạn điều tra mà Bản án sơ thẩm có nhầm lẫn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo lời khai thừa nhận hành vi phạm tội “Đánh bạc” bằng hình thức lô, đề của các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T, Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị cáo Phan Thị Thuỳ N và lời khai của các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị; phù hợp với tang vật vụ án được thu giữ; phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 16/2019/HS-ST ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới quyết định tuyên bố các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T, Lê Thị Thanh H, Phan Thị Thuỳ N, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hoàng Thị V, Nguyễn Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H phạm tội “Đánh Bạc” được quy định tại Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật Hình sự năm 2015) là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[1]. Xét các nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình; ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm và kháng cáo của các bị cáo Lê Viết C, Bùi Thanh B, Trần Thị H xin được hưởng án treo hoặc được chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù; của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị L, Nguyễn Thị X xin được xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ; của các bị cáo: Nguyễn Thị Thu H, Bùi Thị Kim T xin giảm tiền phạt, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Các bị cáo trong vụ án phạm tội bị truy tố và xét xử về tội “Đánh bạc” thuộc nhóm tội “Xâm phạm trật tự công cộng”, khoản tiền các bị cáo đã tự giác nộp lại là tiền do các bị cáo bỏ ra để “Đánh bạc” và tiền thu lợi bất chính do “Đánh bạc” mà có. Bản án sơ thẩm coi khoản tiền các bị cáo tự nguyện nộp lại này như là tiền bồi thường khắc phục thiệt hại cho người bị thiệt hại trong các vụ án xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, tài sản ... để áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo là không đúng. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm có căn cứ nên phải được chấp nhận để sửa Bản án

sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Trần Thị H, Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị H, Hoàng Thị V, Bùi Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu H, Hà Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H.

Kháng nghị có yêu cầu bỏ điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị X nhưng Bản án sơ thẩm không áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Thị X nên giữ nguyên các tình tiết giảm nhẹ mà Bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Thị X.

[2]. Về nội dung kháng nghị yêu cầu sửa Bản án sơ thẩm tăng hình phạt đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H và kháng cáo của các bị cáo Lê Viết C, Bùi Thanh B, Trần Thị H xin được hưởng án treo hoặc được chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù, Hội đồng xét xử thấy:

Các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H phạm tội “Đánh bạc” bị truy tố và xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự có hình phạt tù từ 3 năm đến 7 năm do số tiền dùng đánh bạc bị quy kết từ 50 triệu đồng trở lên. Ở vụ án này các bị cáo bị truy tố và xét xử theo tang số của số tiền đánh bạc được xác định từ số tiền ghi đề của các Thư ký ghi đề, trong đó bị cáo Lê Viết C bị quy kết đánh bạc theo số tiền 376.779.600 đồng từ các Thư ký ghi đề để đánh bạc với bị cáo nhưng trên thực tế bị cáo C chưa thu được số tiền này của người ghi đề từ các Thư ký ghi đề và bị cáo C cũng chưa trả tiền thắng đề 137.518.000 đồng cho các người thắng đề. Theo số tiền được quy kết Lê Viết C đã đánh bạc bằng hình thức lô đề, các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà bị cáo được hưởng, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Viết C mức án 07 tháng tù đúng là đã xử phạt nhẹ đối với bị cáo. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo Lê Viết C có căn cứ nên phải được chấp nhận.

Theo tính chất, mức độ vụ án và số tiền bị quy kết đánh bạc chưa thu được từ người ghi đề và số tiền bị cáo chưa trả cho người thắng bạc (trúng đề), các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà bị cáo được hưởng và tình tiết bị cáo đã nộp đủ tiền được xác định thu lợi bất chính theo quyết định của Bản án sơ thẩm trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Lê Viết C mức án dưới khởi điểm của khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm là thoả đáng.

Đối với các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H là những Thư ký ghi đề, bị truy tố và xét xử theo tang số của số tiền đã thu được từ người chơi đề và số tiền được hưởng từ người chơi đề, số tiền thắng bạc. Tuy tại phiên toà các bị cáo đều khai nhận số tiền đánh bạc (ghi đề) có nhiều người chưa trả cho các bị cáo thì vụ án bị phát hiện nhưng theo tang số của số tiền “Đánh bạc” được quy kết đối với các bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo này được hưởng, Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H mức án 05 tháng tù đúng

là đã xử phạt nhẹ đối với các bị cáo này. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm đề nghị tăng hình phạt tù đối với các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H có căn cứ nên phải được chấp nhận.

Bị cáo Trần Thị L có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” và tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Thị X có các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm s, t khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ bị cáo có bố và mẹ đều là người có công theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 chưa được Bản án sơ thẩm áp dụng; bị cáo Trần Thị H có các tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 và tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp lại tiền thu lợi bất chính; các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị X đã nộp tiền được xác định thu lợi bất chính theo quyết định của Bản án sơ thẩm trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H mức án dưới khởi điểm của khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 như quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm là thoả đáng.

Xét các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H đều là dân lao động, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tại thời điểm phạm tội các bị cáo đều không có tiền án, không có tiền sự, bản thân các bị cáo đều là trụ cột trong gia đình, các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 nên cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo để cho các bị cáo được hưởng án treo nhằm tạo cơ hội cho các bị cáo có điều kiện sửa chữa sai lầm, chăm lo cuộc sống gia đình nuôi dạy các con như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm là thoả đáng.

[3]. Về nội dung kháng nghị đề nghị áp dụng bổ sung Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T, tại phiên toà phúc thẩm Kiểm sát viên đã rút nội dung kháng nghị này để đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T, sửa Bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo này hình phạt nhẹ hơn hình phạt tù nên Hội đồng xét xử đình chỉ nội dung kháng nghị đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T. Chỉ xem xét kháng cáo xin được chuyển sang hình phạt khác nhẹ hơn hình phạt tù của các bị cáo Bùi Thanh B, Trần Thị H và kháng cáo xin được xử phạt hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị L, Nguyễn Thị X.

Theo kháng cáo của các bị cáo trên, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo Bùi Thanh B, Trần Thị H, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Đ, Trần Thị L, Nguyễn Thị X phạm tội “Đánh bạc” bị truy tố và xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 có hình phạt tiền từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.

Bị cáo Bùi Thanh B bị quy kết số tiền đánh bạc bằng hình thức lô đề 10.019.000 đồng, có các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt tù là có phần nghiêm khắc. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp đủ 10.000.000 đồng tiền phạt bổ sung theo quyết định của Bản án sơ thẩm nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh B để sửa Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt chính là phạt tiền như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo theo mức độ phạm tội của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Đ bị quy kết số tiền đánh bạc bằng hình thức lô đề 49.266.000 đồng, ngoài các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được Bản án sơ thẩm áp dụng thì bị cáo còn có tình tiết giảm nhẹ theo điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được Bản án sơ thẩm đề cập nhưng không áp dụng. Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt tù là có phần nghiêm khắc. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp 10.000.000 đồng tiền thu lợi bất chính theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo để sửa Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ hình phạt cải tạo không giam giữ như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm là thoả đáng. Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo đang gặp nhiều khó khăn, Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T bị quy kết số tiền đánh bạc bằng hình thức lô đề 22.523.000 đồng, có các tình tiết giảm nhẹ theo các điểm i, t khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, bị cáo có chồng là Thương binh, là người có công với cách mạng. Sau khi phạm tội bị cáo bị bệnh phải về quê để chữa bệnh nhưng không xin phép nên bị truy nã, khi biết tin bị truy nã, bị cáo đã ra trình diện tại cơ quan Công an trình bày lý do đi khỏi nơi tạm trú. Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tiền án, không có tiền sự, Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo hình phạt tù là có phần nghiêm khắc. Trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp đủ 12.360.000 đồng tiền thu lợi bất chính và án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo để sửa Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T hình phạt cải tạo không giam giữ như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm là thoả đáng. Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo đang gặp nhiều khó khăn, Hội đồng xét xử miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4]. Xét kháng cáo xin giảm tiền phạt của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Bùi Thị Kim T, Hội đồng xét xử thấy Bản án sơ thẩm đã xác định mức độ phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Thu H theo số tiền đánh bạc: 8.194.000 đồng; của bị cáo Bùi Thị Kim T theo số tiền đánh bạc: 8.305.000 đồng nên đã áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với các bị cáo để phạt tiền mỗi bị cáo 22.000.000 đồng

là thỏa đáng, không nặng, nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo, giảm tiền phạt cho các bị cáo này.

[5]. Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và kết quả xét xử thấy có căn cứ xác định bị cáo Bùi Thanh B chưa thu được số tiền đánh bạc bằng hình thức lô đề là 10.019.000 đồng từ các đối tượng đánh bạc với bị cáo nên không buộc Bùi Thanh B nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước.

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà thì Cơ quan Điều tra chỉ thu giữ 143.902.000 đồng bao gồm: Thu của Lê Viết C 70.000.000 đồng; Lê Thị Thanh H: 4.615.000 đồng; Trần Thị L: 10.360.000 đồng; Hoàng Thị V: 9.646.000 đồng; Trần Thị H: 3.000.000 đồng; Hoàng Thị H: 7.110.000 đồng; Hà Thị Thu H: 5.713.000 đồng; Hoàng Thị Hồng H: 6.144.000 đồng; Bùi Thị Kim T: 5.828.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H: 6.444.000 đồng; Cao Xuân Vĩnh: 1.869.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh Huyền: 6.313.000 đồng; Hoàng Thị Liên: 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị Kim N: 970.000 đồng; Hoàng Thị Lành: 1.490.000 đồng; Lương Thị M: 2.900.000 đồng. Trong đó số tiền 70.000.000 đồng thu của Lê Viết C để bảo đảm thi hành khoản buộc Lê Viết C nộp lại tiền thu lợi bất chính, số tiền còn lại là tiền thu lợi bất chính được thu giữ từ các bị cáo để sung vào ngân sách Nhà nước. Không có việc các bị cáo nộp thêm ngoài số tiền được thu giữ nói trên, Bản án sơ thẩm có sự nhầm lẫn về số tiền thu giữ và số tiền các bị cáo nộp lại nên cấp phúc thẩm phải sửa Bản sơ thẩm về số tiền 70.000.000 đồng tạm giữ của Lê Viết C trong tổng số tiền đã thu giữ để bảo đảm thi hành án và số tiền tịch thu sung công quỹ nhà nước đã thu từ các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong giai đoạn điều tra là 73.902.000 đồng.

Sau khi hồ sơ vụ án chuyển sang Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới, ngày 06 tháng 11 năm 2018, Lê Viết C nộp 10.000.000 đồng tại biên lai số 0001813, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới đã được Bản án sơ thẩm tuyên tạm giữ để bảo đảm thi hành án đối với Lê Viết C

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, Lê Thị Thanh H nộp 5.000.000 đồng tại Biên lai số 0001814 Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới đã được Bản án sơ thẩm xác định tịch thu sung công.

Như vậy số tiền tạm giữ để bảo đảm thi hành án đối với Lê Viết C là 80.000.000 đồng;

Số tiền tịch thu của các bị cáo để sung công quỹ Nhà nước là 78.902.000 đồng bao gồm: Lê Thị Thanh H: 9.615.000 đồng (có 5.000.000 đồng bị cáo nộp sau khi kết thúc điều tra); Trần Thị L: 10.360.000 đồng; Hoàng Thị V: 9.646.000 đồng; Trần Thị H: 3.000.000 đồng; Hoàng Thị H: 7.110.000 đồng; Hà Thị Thu H: 5.713.000 đồng; Hoàng Thị Hồng H: 6.144.000 đồng; Bùi Thị Kim T: 5.828.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H: 6.444.000 đồng; Cao Xuân Vĩnh: 1.869.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh Huyền: 6.313.000 đồng; Hoàng Thị Liên: 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị Kim N: 970.000 đồng; Hoàng Thị L: 1.490.000 đồng; Lương Mai H: 2.900.000 đồng.

Các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H phạm tội “Đánh bạc” bị truy tố và xét xử theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự

năm 2015, Bản án sơ thẩm không áp dụng điểm b đối với các bị cáo là thiếu sót. Theo đó, cấp phúc thẩm phải bổ sung điểm b đối với các bị cáo theo yêu cầu của Kháng nghị.

Số tiền các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thanh T nộp trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền các bị cáo này phải nộp lại theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về số tiền thu lợi bất chính mà Bản án sơ thẩm buộc bị cáo Phan Thị Thuý N phải nộp lại, ngày 23 tháng 4 năm 2019, Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới đã có Thông báo số 04/2019/TB-TA sửa chữa, bổ sung Bản án sơ thẩm “buộc Phan Thị Thuý N nộp lại số tiền 21.483.000 đồng”.

[6]. Về án phí hình sự phúc thẩm đối với các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị:

Theo quy định tại khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 11; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì:

Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị được cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị và chấp nhận kháng cáo để sửa Bản án sơ thẩm theo hướng có lợi cho các bị cáo thì các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Các bị cáo có kháng cáo và bị kháng nghị được cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị để sửa Bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo thì các bị cáo có kháng cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo không có kháng cáo, chỉ có kháng nghị được cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị để sửa Bản án sơ thẩm thì không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 290; các điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm đ khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 1 Điều 11; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình và ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm để sửa Bản án sơ thẩm: Không áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Trần Thị H, Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị H, Hoàng Thị V, Bùi Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu H, Hà Thị Thu H, Hoàng Thị Hồng H.

2. Chấp nhận Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà phúc thẩm và chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị H, Trần Thị L, Nguyễn Thị X để sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; các Điều 17, 58; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H; áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lê Viết C, Nguyễn Thị X; áp dụng các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H.

Xử phạt bị cáo Lê Viết C 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách án treo đối với bị cáo Lê Viết C là 30 (ba mươi) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (06 tháng 6 năm 2019);

Xử phạt bị cáo Trần Thị L 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách án treo đối với bị cáo Trần Thị L là 14 (mười bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (06 tháng 6 năm 2019);

Xử phạt bị cáo Trần Thị H 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách án treo đối với bị cáo Trần Thị H là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (06 tháng 6 năm 2019);

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị X 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, thời gian thử thách án treo đối với bị cáo Nguyễn Thị X là 12 (mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (06 tháng 6 năm 2019).

Giao bị cáo Lê Viết C cho Ủy ban nhân dân phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao các bị cáo Trần Thị L, Trần Thị H cho Ủy ban nhân dân phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo, gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị X cho Ủy ban nhân dân phường Nam Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách mà các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị H, Trần Thị L, Nguyễn Thị X thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách mà các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị H, Trần Thị L, Nguyễn Thị X cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo vi phạm phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Đình chỉ xét xử phúc thẩm theo nội dung kháng nghị đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T để sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T; áp dụng thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị Đ; Điều 36 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thanh T; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Thanh B.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 07 (bảy) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thanh T tính từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã nơi bị cáo cư trú nhận được Quyết định thi hành án và Bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Đ cho Ủy ban nhân dân phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thanh T cho Ủy ban nhân dân phường Bắc Lý, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thanh T.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 58; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Bùi Thanh B.

Phạt tiền là hình phạt chính bị cáo Bùi Thanh B 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) về tội “Đánh bạc”.

4. Không chấp nhận kháng cáo xin giảm tiền phạt là hình phạt chính của các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Bùi Thị Kim T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Bùi Thị Kim T.

Phạt tiền bị cáo Nguyễn Thị Thu H: 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) về tội “Đánh bạc”;

Phạt tiền bị cáo Bùi Thị Kim T: 22.000.000 đồng (hai mươi hai triệu đồng) về tội “Đánh bạc” về tội “Đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; các Điều 17, 58; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Hoàng Thị V, Hoàng Thị Hồng H; áp dụng thêm điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thị Thanh H. Phạt tiền là hình phạt chính về tội “Đánh bạc” đối với các bị cáo:

Lê Thị Thanh H: 40.000.000 đồng;

Hoàng Thị H: 25.000.000 đồng;

Hoàng Thị V: 24.000.000 đồng;

Hà Thị Thu H: 20.000.000 đồng;

Hoàng Thị Hồng H: 20.000.000 đồng.

5. Không buộc bị cáo Bùi Thanh B nộp lại số tiền 10.019.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Tạm giữ số tiền là 80.000.000 đồng thu giữ của Lê Viết C để bảo đảm thi hành án đối với Lê Viết C;

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 78.902.000 đồng thu giữ từ các bị cáo gồm: Lê Thị Thanh H: 9.615.000 đồng (có 5.000.000 đồng bị cáo nộp sau khi kết thúc điều tra); Trần Thị L: 10.360.000 đồng; Hoàng Thị V: 9.646.000 đồng; Trần Thị H: 3.000.000 đồng; Hoàng Thị H: 7.110.000 đồng; Hà Thị Thu H: 5.713.000 đồng; Hoàng Thị Hồng H: 6.144.000 đồng; Bùi Thị Kim T: 5.828.000 đồng; Nguyễn Thị Thu H: 6.444.000 đồng; Cao Xuân V: 1.869.000 đồng; Nguyễn Thị Thanh H: 6.313.000 đồng; Hoàng Thị L: 1.500.000 đồng; Nguyễn Thị Kim N: 970.000 đồng; Hoàng Thị L: 1.490.000 đồng; Lương Mai H: 2.900.000 đồng.

Số tiền các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị Thanh T nộp trong thời gian chuẩn bị xét xử phúc thẩm được khấu trừ vào số tiền các bị cáo này phải nộp lại theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

6. Các bị cáo Lê Viết C, Nguyễn Thị X, Trần Thị L, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T, Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị H, Hà Thị Thu H, Hoàng Thị V, Hoàng Thị Hồng H không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

Các bị cáo Bùi Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm đối với bị cáo Phan Thị Thuỳ N; về phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B; về buộc các bị cáo Lê Viết C, Trần Thị L, Nguyễn Thị X, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Lê Thị Thanh H, Phan Thị Thuỳ Nhung, Nguyễn Thị Thanh T nộp lại tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước; về tuyên tịch thu hoá giá bán sung công quỹ Nhà nước các vật chứng vụ án được xác định các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã sử dụng làm phương tiện đánh bạc; về buộc các bị cáo Lê Viết C, Nguyễn Thị X, Trần Thị L, Trần Thị H, Nguyễn Thị Đ, Bùi Thanh B, Nguyễn Thị Thanh T, Lê Thị Thanh H, Hoàng Thị

H, Hà Thị Thu H, Hoàng Thị V, Hoàng Thị Hồng H, Bùi Thị Kim T, Nguyễn Thị Thu H, Phan Thị Thùy N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước, không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (06 tháng 6 năm 2019)

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 BLTTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GDKT 1 TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn THS, VPTAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Việt